

Bản án số: 90/2021/DS-ST  
Ngày 18/11/2021  
V/v Tranh chấp  
Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Bà Nguyễn Thị Lan**

**2. Bà Nguyễn Thị Mỹ**

***- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.***

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.***

***Địa chỉ: Khu C, phường H, quận M, TP. H.***

***Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.***

***Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hồng N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện Ia G, tỉnh G.***

***(Theo Quyết định uỷ quyền số 7300/QĐNHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C về việc uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án)***

***Người được uỷ quyền lại: Ông Huỳnh Xuân T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện Ia G, tỉnh G (có mặt).***

***(Theo văn bản uỷ quyền số 53A/QĐ-NHCS ngày 01/10/2019)***

***2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T***

***Địa chỉ: Thôn T, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G (vắng mặt).***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Đại diện nguyên đơn trình bày:*** Ngân hàng C căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngày 02/3/2018 của UBND xã Ia, ngày 06/3/2018 đã cho bà Nguyễn Thị T vay vốn theo Chương trình hộ nghèo số tiền 40.000.000đ theo Hợp đồng tín

dụng số 660000711934650 với lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/3/2023. Theo thỏa thuận bà T phải có trách nhiệm trả lãi hàng tháng và trả gốc cho Ngân hàng 12 tháng/lần kể từ ngày vay như sau: Ngày 06/3/2019 trả 8.000.000đ, ngày 06/3/2020 trả 8.000.000đ, ngày 06/3/2021 phải trả 8.000.000đ. Tuy nhiên bà T không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận trên nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà T và chồng là ông T1 phải có nghĩa vụ trả nợ gốc là 40.000.000đ và lãi trong hạn là 6.921.863đ, tổng cộng là 46.921.863đ.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T đã được Toà án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.*

*Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên tiền nợ gốc là 40.000.000đ, tiền lãi là 6.921.863đ, tổng cộng là 46.921.863đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.*

*Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Ngân hàng C khởi kiện bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng (sổ vay vốn) ngày 06/3/2018 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ gốc ngày 06/3/2019, ngày 06/3/2020, ngày 26/3/2021 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn theo kỳ trả nợ đã cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên ngày 10/5/2021 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị

đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 40.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 6%/năm) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/11/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lãi là 6.921.863đ như đại diện phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 40.000.000đ tiền gốc, lãi trong hạn là 6.921.863đ, tổng cộng là 46.921.863đ.

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là 2.346.093đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Căn cứ các điều 288, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;  
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;  
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.  
2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng C tiền nợ gốc là 40.000.000đ, tiền lãi là 6.921.863đ, tổng cộng là **46.921.863đ** (bốn mươi sáu triệu chín trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/11/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ trong hạn và quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.*

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu **2.346.093đ** (hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

–

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Lan**

**Nguyễn Thị Mỹ**

**Đặng Chí Công**